

Số: 55 /QĐ-ĐT

Phúc Yên, ngày 02 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề án tuyển sinh năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành theo thông tư 15/2021/TT- BLĐTBXH ngày 21/10/ 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành theo Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định 220/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đào tạo năm 2024 của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-ĐT ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Trường cao đẳng Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Quyết định số 71/QĐ-ĐT ngày 27 tháng 2 năm 2023 của Trường cao đẳng Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh năm 2024 tại Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng, Khoa, Tổ, các cán bộ giảng viên, viên chức của nhà trường căn cứ Quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục đại học);
- Bộ LĐ-TB&XH (Tổng cục GDNN);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở LĐ-TB &XH;
- Sở VH-TT và DL;
- Sở Y tế;
- Lưu ĐT+ VT, Website của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Thanh Tùng

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

((Ban hành kèm theo Quyết định số 55 /QĐ-ĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Vĩnh Phúc))

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành theo Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định 220/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đào tạo năm 2024 của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Quyết định số 71/QĐ-ĐT ngày 27 tháng 2 năm 2023 của Trường cao đẳng Vĩnh Phúc (QC71);

Căn cứ Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-ĐT ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Trường cao đẳng Vĩnh Phúc (QC52);

Trường cao đẳng Vĩnh Phúc xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2024 với các nội dung cụ thể sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường, sứ mệnh

- **Tên trường:** Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc

- **Sứ mệnh:** Trường có sứ mệnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành giáo dục, ngành y tế và các lĩnh vực thuộc các ngành kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, du lịch, quản lý văn hóa của tỉnh Vĩnh Phúc và của toàn xã hội; nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

2. Mã trường:

- Đối với tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non: **C16**

- Đối với tuyển sinh các ngành khối Giáo dục nghề nghiệp: **CDD1603**

3. Địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Phường Trưng Nhị - Thành phố Phúc Yên - tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Cơ sở tại Vĩnh Yên: Phường Liên Bảo - TP Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: caodangvinhphuc.edu.vn.

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội có thông tin tuyển sinh:

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

- Đối với tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non: 0912013684.
- Đối với tuyển sinh các ngành khối Giáo dục nghề nghiệp: 0919914886

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp năm 2023

Lĩnh vực	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV/HS tốt nghiệp		Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	CD	TC	CD	TC	CD	TC	CD	TC
Giáo dục Mầm non	500	0	496	0	489	0	89,5%	
Các ngành khác		30		25		19		97,2%

(Địa chỉ đường link: caodangvinhphuc.edu.vn)

8. Thông tin về tuyển sinh cao đẳng chính quy năm 2022, 2023

Chi tiết tại địa chỉ: caodangvinhphuc.edu.vn

8.1. Phương thức tuyển sinh: Nhà trường áp dụng 03 phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT

+ Đối với ngành Giáo dục Mầm non: Thi năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) kết hợp sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp: Sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xét tuyển.

- Phương thức 2: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

+ Đối với ngành Giáo dục Mầm non: Thi tuyển năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12.

+ Đối với các ngành năng khiếu khối giáo dục nghề nghiệp: Thi tuyển các môn năng khiếu theo từng chuyên ngành và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12.

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp không thi môn năng khiếu, nhà trường sử dụng Điểm trung bình cả năm lớp 12 để xét tuyển.

8.2. Điểm trúng tuyển

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2(2022)			Năm tuyển sinh-1(2023)		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Giáo dục Mầm non	500	498	17.50	500	496	17.50
Giáo dục nghề nghiệp		66	15.0	240	74	15.0

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo (*đường link: caodangvinhphuc.edu.vn*)

9.1. Ngành Giáo dục Mầm non

- Mã ngành: **51140201**

- Số văn bản mở ngành: Quyết định số 1558/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 08/4/2002 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.

- Năm bắt đầu đào tạo: 2002.

- Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất: 2023

9.2. Các ngành khối Giáo dục nghề nghiệp

TT	Tên ngành/ nghề	Mã ngành/ nghề	Giấy chứng nhận số
I	Cao đẳng		
1	Tiếng Anh	6220206	Số 41/2021/GCNĐKHĐB-TCGDNN, ngày 13/5/2021
2	Kế toán	6340301	
3	Kế toán doanh nghiệp	6340302	
4	Tin học ứng dụng	6480205	
5	Quản trị mạng máy tính	6480209	
6	Dược	6720201	
7	Điều dưỡng	6720301	
8	Hội họa	6210103	Số 41a/2021/GCNĐKHĐBS-TCGDNN, ngày 23/6/2021
9	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	6210217	
II	Trung cấp		
1	Y sỹ đa khoa	5720101	Số 41/2021/GCNĐKHĐB-TCGDNN, ngày 13/5/2021
2	Y học cổ truyền	5720102	
3	Hội họa	5210103	Số 41a/2021/GCNĐKHĐBS-TCGDNN, ngày 23/6/2021
4	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	5210217	
5	Organ	5210224	
III	Sơ cấp		
1	Hội họa		Số 41a/2021/GCNĐKHĐBS-TCGDNN, ngày 23/6/2021
2	Điêu khắc		
3	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc		
4	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây		
5	Organ		
6	Thanh nhạc		
7	Hướng dẫn du lịch		
8	Quản trị khách sạn		
9	Nghiệp vụ lễ tân		
10	Thiết kế đồ họa		
11	Thiết kế thời trang		

12	Dịch vụ chăm sóc gia đình		
----	---------------------------	--	--

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng

10.1. Quy mô đào tạo chính quy đến 31/12/2023

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại				Tổng
	Hệ Cao đẳng		Hệ Trung cấp		
	Chính quy	VLVH	Chính quy	VLVH	
1. Giáo dục Mầm non	951				951
2. Khối ngôn ngữ nghệ thuật	19		50		69
3. Khối sức khỏe	194		44		238
Tổng cộng	1164		94		1258

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

10.2.1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất

a. Trụ sở chính: P. Trưng Nhị - Tp Phú Yên – Vĩnh Phúc

- Tổng diện tích đất của trường: 5,8 ha

- Tổng diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường: 25743 m².

- Ký túc xá sinh viên diện tích 6335 m²; số chỗ ở cho HSSV: 1000.

b. Cơ sở tại Vĩnh Yên: Phố Tuệ Tĩnh - Tp Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc

- Diện tích đất với tổng diện tích mặt bằng: 2,1ha

- Tổng diện tích xây dựng các hạng mục công trình: 9550 m².

- Ký túc xá học sinh: 1160 m²; số chỗ ở cho HSSV: 200.

10.2.1.2. Thống kê diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

a. Trụ sở chính: P. Trưng Nhị - Tp Phú Yên – Vĩnh Phúc

Tổng diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình 25743 m².

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	112	11735
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	2490
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ	1	350
1.3	Phòng học từ 50-100 chỗ	30	1950
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	34	1500
1.5	Phòng học đa phương tiện	10	570
1.6	Khu nhà làm việc/Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	35	1450

1.7	Nhà tập đa năng	1	1280
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	1213
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	8	1432
4	Khu ký túc xá/khu nội trú	104	6335
5	Sân vận động	1	1350

b. Cơ sở tại Vĩnh Yên: Phố Tuệ Tĩnh - Tp Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc

Tổng diện tích xây dựng các hạng mục công trình: 9550 m². Bao gồm:

- Nhà điều hành: 652 m².
 - Hội trường: 550 m².
 - Nhà lớp học: 3300m², số phòng học 20 phòng (16 phòng học lý thuyết, 04 phòng thực hành).
 - Nhà thực hành: 1640 m², số phòng 16 phòng.
 - Ký túc xá học sinh: 1.160 m²; nhà cấp 3, số phòng 30 phòng, phục vụ cho 250 học sinh ở ký túc xá.
 - Khu nhà ở của CBCNV: 8 phòng, tổng diện tích 400m², nhà cấp 4,
 - Nhà bảo vệ: 25 m², nhà cấp 4.
 - Nhà ăn: 525 m²; nhà cấp 3.
 - Trạm Y tế: 300m²
- Ngoài ra cơ sở sở 2 còn có:
- Khu sân trường: 700 m²; Khu để xe: 1000 m²
 - Vườn thuốc Nam: 500m², có 150 loại cây thuốc để điều trị các bệnh thông thường dùng cho học sinh thực hành.

*** Cơ sở thực tập, thực tế.**

- Trường Mầm non Trung Nhị, Tiên Châu –TP Phúc Yên
- Nhà hát Nghệ thuật tỉnh Vĩnh Phúc
- Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Vĩnh Phúc
- Bệnh viện thực hành: 15 bệnh viện
 - + Bệnh viện tuyến tỉnh: 06 bệnh viện.
 - + Bệnh viện tuyến huyện có 09 bệnh viện.
- Công ty: 01 công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc.
- Trung tâm kiểm nghiệm Dược hoá mỹ phẩm Vĩnh Phúc.
- Trạm Y tế: 137 xã, phường, thị trấn trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố.

Ngoài ra Nhà trường có các phòng máy vi tính với 150 máy tính. Nhà trường đã nối mạng internet để sinh viên khai thác thông tin phục vụ học tập nghiên cứu; các phòng thiết bị nghe nhìn với 56 ca bin, 15 cát sét, 04 máy chiếu qua đầu....; phòng truyền thanh 01 phòng truyền thanh trong nội bộ trường với loa, tăng âm.....

10.2.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên phòng	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/Khối ngành
1	Phòng máy tính: 601 giảng đường B	Máy tính 36; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
2	Phòng máy tính: 602 giảng đường B	Máy tính 29; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
3	Phòng máy tính: 603 giảng đường B	Máy tính 42; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
4	Phòng Lap 1 nhà khách	Máy tính 25; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
5	Phòng Lap 2 lớn nhà khách	Máy tính 40; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
6	Phòng máy tính: 301 thư viện	Máy tính 31; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
7	Phòng máy tính: 302 thư viện	Máy tính 24; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
8	Phòng học đàn (nhà C)	01 phòng có 40 đàn organ	GDMN và ngành học khác
9	Phòng thực hành họa	01 phòng có các mẫu và giá vẽ.	GDMN và ngành học khác
10	Phòng thực hành múa	Có gương lớn quanh tường và gióng múa; Loa	GDMN và ngành học khác
11	Phòng học thí nghiệm nhà T: 02 phòng Sinh học	. Có các thiết bị đảm bảo cho việc học thực hành, thí nghiệm của bộ môn.	GDMN và ngành học khác
12	Nhà TDTT đa năng	DT sàn xây dựng 1280; trang bị các dụng cụ TDTT trong nhà.	GDMN và ngành học khác

10.2.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo..., sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử trong thư viện)

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Giáo dục Mầm non - Giáo trình - Tham khảo	581 cuốn 1640 cuốn.
2	Các ngành khác - Giáo trình - Tham khảo	8387 cuốn 25851 cuốn

10.3. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Họ và tên	Giới tính		Trình độ chuyên môn đào tạo			Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành chủ trì giảng dạy	
		Nam	Nữ	TS, CK 2	Ths	ĐH			CĐ GDMN	CĐ,TC GDNN
1	Trần Thanh Tùng	1		1			Sinh học		1	
2	Nguyễn Xuân Công	1			1		Toán học		1	
3	Trịnh Thị Luyến		1	1			Nhi, truyền nhiễm;QLGD			1
4	Đào Ngọc Anh	1			1		QLGD		1	
5	Doãn Thế Anh	1		1			Địa lí		1	
6	Nguyễn Văn Thu	1			1		CNTT		1	
7	Triệu Việt Dũng	1				1	QL văn hóa			1
8	Phạm T Diệu Thương		1		1		Văn hóa học			1
9	Trần Nhân Vĩnh	1			1		Giáo dục học		1	
10	Nguyễn T Mai Hương		1		1		Sinh học		1	
11	Nguyễn T Phương Chung		1			1	Âm nhạc		1	
12	Nguyễn Thành Công	1			1		Triết học	1		
13	Nguyễn Thị Phương		1			1	Kinh tế			1
14	Trần Vương Ngọc	1				1	CNTT	1		
15	Nguyễn Anh Hiếu	1			1		CNTT		1	
16	Đinh Thị Tuyết		1		1		Ngữ văn		1	
17	Hoàng Thị Diên		1		1		Lịch sử		1	
18	Nguyễn Anh Tuấn	1			1		CNTT		1	
19	Lương Thị Song Vân		1		1		CNTT		1	
20	Phạm Thị Quế		1		1		Triết học	1		
21	Nguyễn Thị Kim Thoa		1			1	Thư viện			1
22	Trần Thị Lan Anh		1		1		Tâm lý học		1	
23	Đỗ Thị Thúy		1		1		Thư viện			1
24	Nguyễn Ngọc Thụ	1			1		GDTC	1		
25	Nguyễn Thanh Bình	1				1	GDTC	1		
26	Nguyễn Thị Hòa		1		1		Âm nhạc		1	
27	Cao Đức Bộ	1			1		Lưu trữ			1
28	Trịnh Thị Sen		1		1		Âm nhạc		1	
29	Lê Kim Bá Yên	1			1		Lịch sử		1	
30	Tạ Hoài Quang	1			1		Toán học		1	
31	Nguyễn Thị Hạnh		1		1		KDTM			1
32	Nguyễn Hữu Hiệp	1			1		QLGD		1	
33	Trần Thị Bích Loan		1		1		Kinh tế PT			1
34	Dương Đình Chuyển	1			1		GDTC	1		
35	Phạm Văn Quân	1			1		Triết học	1		

36	Đỗ Văn Hải	1			1		Hóa học			1
37	Phạm Thị Duyên		1		1		Triết học	1		
38	Nguyễn Thị Kim Chung		1		1		Triết học	1		
39	Nguyễn Đức Khiêm	1			1		Triết học	1		
40	Lương Thị Kim Dung		1		1		Triết học	1		
41	Quách Kiều Dung		1		1		Kinh tế CT	1		
42	Nguyễn Thị Minh Huệ		1		1		Giáo dục học		1	
43	Nguyễn Thị Hiền		1		1		Giáo dục học		1	
44	Hoàng Thị Hải Hoàn		1		1		QLGD		1	
45	Nguyễn Thị Hợi		1		1		Tâm lý học		1	
46	Trần Tuyết Nhung		1		1		Giáo dục học		1	
47	Phạm Việt Hà		1			1	Tâm lý học		1	
48	Lê Thị Thanh Thảo		1		1		Giáo dục học		1	
49	Lê Thành Hưng	1		1			Toán học		1	
50	Phạm Thị Thu Hiền		1		1		Hóa học			1
51	Nguyễn Thị Thanh Nga		1		1		Sinh học		1	
52	Nguyễn Bá Hưng	1			1		CNTT	1		
53	Nguyễn Thị Minh Thủy		1		1		GDTC		1	
54	Nguyễn Hữu Huân	1				1	GDTC	1		
55	Nguyễn Hoàng Sơn	1			1		GDTC	1		
56	Hồ Thị Hà Ly		1			1	GDTC		1	
57	Ngô Thị Xuyên		1		1		Sinh học		1	
58	Đặng Việt Hà		1		1		Sinh học		1	
59	Kim Đình Tiến	1			1		Sinh học		1	
60	Đỗ Xuân Thọ	1				1	CNTT	1		
61	Ng Thị Huyền Anh		1		1		GDTC	1		
62	Đào T Hoàng Giang		1		1		Toán học		1	
63	Vũ Văn Tuấn	1			1		CNTT	1		
64	Phùng Trọng Việt	1			1		GDTC	1		
65	Phan Tự Hưng	1			1		Lịch sử		1	
66	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1		1		Lịch sử		1	
67	Đoàn Việt Phương	1			1		Tiếng Anh	1		
68	Nguyễn Minh Thắng		1		1		Tiếng Anh	1		
69	Chu Thị Vân Anh		1	1			Lịch sử		1	
70	Lê Thị Thùy		1		1		Tiếng Anh	1		
71	Phạm Thị Vân		1		1		Tiếng Anh	1		
72	Nguyễn Ngọc Quyên		1		1		Tiếng Anh	1		
73	Nguyễn Thị Lê Dung		1		1		Quản trị KD			1
74	Bùi Thị Diễm Hương		1		1		Văn hóa học			1
75	Nguyễn Thị Minh Thu		1		1		Quản trị KD			1
76	Nguyễn Thị Phương Thanh		1		1		Văn hóa học			1

77	Nguyễn Thị Hồng Lan		1	1		Thư viện			1
78	Đỗ Ngọc Thúy		1	1		Ngữ văn		1	
79	Mâu Thị Nguyệt Nga		1	1		Toán học		1	
80	Nguyễn Thị Thu Phương		1	1		GDMN		1	
81	Trần Văn Hồng	1		1		Ngữ văn		1	
82	Trịnh Thị Hương Loan		1	1		Ngữ văn		1	
83	Nguyễn Thị Hương Lan		1	1		GDMN		1	
84	Trần Thị Thanh Nga		1	1		GDMN		1	
85	Nguyễn Lan Anh		1	1		GDMN		1	
86	Phạm Thị Thanh Huyền		1	1		GDMN		1	
87	Lê Văn Vũ	1		1		Âm nhạc		1	
88	Nguyễn Thị Hồng Vân		1	1		Mỹ thuật			1
89	Lê Thị Tuyết Mây		1	1		Văn hóa học		1	
90	Đào Thị Hồng Vân		1	1		Mỹ thuật		1	
91	Nguyễn Văn Thọ	1			1	Mỹ thuật		1	
92	Hoàng Đình Hào	1			1	Mỹ thuật		1	
93	Nguyễn Thị Vân Thương		1		1	Âm nhạc		1	
94	Nguyễn Ngọc Phượng		1		1	Âm nhạc		1	
95	Phạm Thị Hằng		1	1		Mỹ thuật		1	
96	Đậu Thị Hà		1		1	Âm nhạc		1	
97	Phạm Kiều Trang		1		1	Âm nhạc			1
98	Nguyễn Quỳnh Trang		1		1	Âm nhạc			1
99	Nguyễn Huy Tuấn	1			1	Âm nhạc			1
100	Đỗ Ngọc Cương	1			1	Âm nhạc			1
101	Lâm Ngọc Bình	1			1	Múa			1
102	Trần Hồng Hải	1			1	Mỹ thuật			1
103	Nguyễn Xuân Đệm	1			1	Mỹ thuật			1
104	Triệu Ngọc Thạch	1			1	Mỹ thuật			1
105	Lâm Thị Đào Tiên		1	1		Mỹ thuật			1
106	Vũ Đình Sơn	1		1		Điều dưỡng			1
107	Triệu Văn Tuyến	1		1		Điều dưỡng; Y tế CC			1
108	Phạm Thị Sáng		1	1		Điều dưỡng			1
109	Trần Tôn Kiên	1			1	GĐTC	1		
110	Nguyễn Thị Lệ Hằng		1	1		Tiếng Anh	1		
111	Đào Thị Nguyên Hương		1	1		Điều dưỡng, Y tế CC			1
112	Lê Minh Hằng		1	1		Dược			1
113	Dương Thị Hợp		1	1		Triết học	1		
114	Trương Kiều Phương		1		1	Tiếng Anh	1		
115	Lê Anh Toàn	1		1		GĐTC	1		

116	Nguyễn Văn Thức	1			1	BSYHCT		1
117	Đặng Thị Ngọc Anh		1		1	Điều dưỡng		1
118	Nguyễn Thị Hằng		1		1	Điều dưỡng		1
119	Vũ Ngọc Thoại	1			1	Dược sĩ		1
120	Hà Thị Thu Hà		1		1	Dược sĩ		1
121	Lê Huy Tường		1		1	Dược sĩ		1
122	Lê Ngọc Hà		1		1	Dược sĩ		1
123	Lê Quốc Hoàn	1			1	Điều dưỡng		1
124	Nguyễn Gia Lương	1			1	Điều dưỡng		1
125	Thân Văn Lý	1			1	Điều dưỡng		1
126	Nguyễn Thị Lộc		1		1	Điều dưỡng, Dinh dưỡng		1
127	Nguyễn Thị Vân		1		1	Điều dưỡng		1
128	Vũ Thuý Nghi		1		1	BS Đa khoa		1

III. THÔNG TIN TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NĂM 2024

1. Đối tượng tuyển sinh:

1.1. Đối với ngành giáo dục mầm non: Theo Điều 5 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Thông tư 08/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp: Theo khoản 2 Điều 3 của Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành theo Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

3. Phương thức tuyển sinh: Nhà trường áp dụng 04 phương thức tuyển sinh

3.1. Phương thức 1: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024

+ *Đối với ngành Giáo dục Mầm non:* Thi năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) kết hợp sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2024 (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ hợp môn dùng để xét tuyển theo quy định của nhà trường tại Đề án này. Số lượng 20% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

+ *Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp thi năng khiếu:* Thi tuyển các môn năng khiếu theo từng chuyên ngành và kết hợp xét tuyển Điểm thi TNTHPT theo tổ hợp môn thi quy định tại Đề án này. Số lượng 20% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

+ *Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp không thi năng khiếu:* Sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2024 (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xét tuyển. Tổ hợp môn dùng để xét tuyển theo quy định của nhà trường tại Đề án này. Số lượng 20% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

3.2. Phương thức 2: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

+ Đối với ngành Giáo dục Mầm non: Thi tuyển năng khiếu Hát, năng khiếu Đọc diễn cảm và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12. Số lượng 40% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

+ Đối với các ngành năng khiếu khối giáo dục nghề nghiệp: Thi tuyển các môn năng khiếu theo từng chuyên ngành và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12. Số lượng 80% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

3.3. Phương thức 3: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên đối với ngành Giáo dục Mầm non

Thi tuyển năng khiếu Hát, năng khiếu Đọc diễn cảm và kết hợp xét tuyển Điểm xếp loại tốt nghiệp tốt nghiệp trung cấp và cao đẳng. Số lượng 40% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

3.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp không thi môn năng khiếu, nhà trường sử dụng tổng điểm trung bình cộng của các môn học lớp 12 theo tổ hợp môn thi quy định tại Đề án này. Số lượng 80% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

3.5. Xét tuyển thẳng: Chỉ áp dụng đối với ngành Giáo dục mầm non. Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh (Chi tiết tại Bảng 1 của Đề án này):

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non (dự kiến): 500
- Đối với các ngành cao đẳng khối giáo dục nghề nghiệp (dự kiến): 160.

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

5.1. Phương thức 1: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi TNTHPT 2024

- Đã tốt nghiệp THPT
- Đối với ngành Giáo dục Mầm non:
 - + Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - + Điểm xét tuyển: Nhà trường sử dụng kết quả của ba môn thi: Ngữ Văn, Toán và Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) để xét tuyển. Nhà trường công nhận kết quả thi các môn năng khiếu năm 2024 đối với thí sinh dự thi cùng ngành tại các trường Đại học, Cao đẳng (nếu trùng với môn thi năng khiếu nhà trường đã thông báo).

- Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp: Đối với các ngành cao đẳng Dược, cao đẳng Điều dưỡng tổng điểm của tổ hợp các môn dùng để xét tuyển đã cộng điểm ưu tiên từ 15,0 trở lên. Các ngành khác tổng điểm của tổ hợp các môn dùng để xét tuyển đã cộng điểm ưu tiên từ 13,50 trở lên.

- Thí sinh không bị điểm liệt trong kỳ thi TNTHPT năm 2024.

5.2. Phương thức 2: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non:
 - + Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên. Đã tốt nghiệp THPT.
 - + Điểm xét tuyển là điểm tổng cộng của các bài thi Năng khiếu Đọc diễn cảm, Năng khiếu Hát và Điểm trung bình cả năm lớp 12. Điểm xét tuyển từ 17,0 trở lên.
 - + Nhà trường công nhận kết quả thi các môn năng khiếu năm 2024 đối với thí sinh dự thi cùng ngành tại các trường Đại học, Cao đẳng (nếu trùng với môn thi năng khiếu nhà trường đã thông báo).

- Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp:

+ Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại trung bình trở lên. Đã tốt nghiệp THPT.

+ Điểm xét tuyển là điểm tổng cộng của các bài thi Năng khiếu (theo từng ngành) và Điểm trung bình cả năm lớp 12. Điểm xét tuyển từ 13,50 trở lên.

- Thí sinh chỉ được phép đăng ký 01 tổ hợp môn xét tuyển/ngành, không giới hạn số nguyện vọng ngành đăng ký xét tuyển (Nhà trường xét tuyển theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

5.3. Phương thức 3: Kết hợp thi tuyển năng khiếu và kết quả tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên đối với ngành Giáo dục Mầm non

- Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng trở lên các ngành đào tạo giáo viên. Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Điểm xét tuyển là điểm tổng cộng của các bài thi Năng khiếu Đọc diễn cảm, Năng khiếu Hát và điểm xếp loại tốt nghiệp tốt nghiệp trung cấp và cao đẳng. Điểm xét tuyển từ 17,0 trở lên.

5.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

- Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại trung bình trở lên. Đã tốt nghiệp THPT.

- Điểm xét tuyển là Điểm trung bình cả năm lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển của từng ngành từ 5,0 trở lên.

5.5. Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn thi theo thang điểm 10 đối với từng môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định Điều 7 của QC 71 (đối với các ngành Giáo dục mầm non) và Phụ lục của QC 52 (đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Đối với thí sinh đã đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng, xét trúng tuyển từ thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất trở xuống cho đến hết chỉ tiêu của ngành.

6. Các thông tin dùng để xét tuyển

- Nhà trường không xét mức chênh lệch điểm trúng tuyển của tổng điểm giữa các tổ hợp môn xét tuyển trong cùng một ngành.

- **Đối với thí sinh thuộc diện được miễn thi bài thi Ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:** Nhà trường sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ. Điểm bài thi môn Ngoại ngữ theo tổ hợp môn thi dùng để xét tuyển các ngành theo quy định của nhà trường được tính 10 điểm.

- **Đối với thí sinh thuộc diện bảo lưu điểm thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:** Nhà trường không sử dụng điểm bảo lưu trong kỳ thi TNTHPT để xét tuyển.

Bảng 1: Ngành, chỉ tiêu và tổ hợp môn thi dùng để xét tuyển các ngành cao đẳng chính quy năm 2023

TT (1)	Mã trường (2)	Mã ngành (3)	Tên ngành (4)	Chỉ tiêu (dự kiến) (5)		Tổ hợp môn xét tuyển 1 (6)	Tổ hợp môn xét tuyển 2 (7)	Tổ hợp môn xét tuyển 3 (8)
				theo xét KQ thi THPT	phương thức khác			
I. Ngành sư phạm				500				
1	C16	51140201	Giáo dục Mầm non	100	400	PT1: M00 (Ngữ văn, Toán, Môn năng khiếu : Đọc diễn cảm, Hát) PT2: Điểm tổng cộng của điểm các bài thi Năng khiếu Đọc diễn cảm, Năng khiếu Hát và Điểm trung bình cả năm lớp 12. PT3: Điểm tổng cộng của điểm các bài thi Năng khiếu Đọc diễn cảm, Năng khiếu Hát và Điểm xếp loại tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đào tạo giáo viên.		
II. Các ngành khối giáo dục nghề nghiệp								
1	CDD1603	6220206	Tiếng Anh	5	15	D01	D78	D90
2		6720301	Điều dưỡng	20	50	B00	B08	
3		6720201	Dược	20	50	A00	B00	B08
4		6210103	Hội họa	5	15	H00	H07	
5		6210217	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	5	15	N02		

Ghi chú: * Mã tổ hợp các môn thi cụ thể như sau:

Toán, Vật lí, Hóa học	A00	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01	Văn, Hình họa, Trang trí	H00
Toán, Hóa học, Sinh học	B00	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	D78	Toán, Hình họa, Trang trí	H07
Toán, Sinh, Tiếng Anh	B08	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90	Văn, Ký xướng âm, Hát (Biểu diễn nhạc cụ)	N02

7. Tổ chức tuyển sinh:

7.1. Thông tin về các đợt tuyển sinh

Bảng 2: Kế hoạch xét tuyển cao đẳng, trung cấp hệ chính quy năm 2024

Đợt thi, xét tuyển	Nội dung	Thời gian
Đợt 1	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 1	01/4 - 12/7/2024
	Thi năng khiếu + thi năng khiếu GD Mầm non đợt 1	15 - 19/7/2024
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	22 -26/7/2024
	Nhập học đợt 1	29-31/7/2024
Đợt 2	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 2	01 -23/8/2024
	Thi năng khiếu + thi năng khiếu GD Mầm non đợt 2	26-31/8/2024
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	03-06/9/2024
	Nhập học đợt 2	09-13/09/2024
Đợt 3	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 3	16/09 - 22/11/2024
	Thi năng khiếu + thi năng khiếu GD Mầm non đợt 3	25- 29/11/2024
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	02-06/12/2024
	Nhập học đợt 3	09-13/12/2024

Lưu ý: Đối với Ngành Giáo dục Mầm non: Đợt 1, nhà trường thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các đợt tiếp theo (dự kiến) thi theo kế hoạch của nhà trường. Các ngành khối GDNN tuyển sinh theo kế hoạch, nếu có điều kiện tuyển sinh sớm, báo cáo HĐTS để xem xét và quyết định.

7.2. Quy chế tuyển sinh

- Đối với ngành Giáo dục mầm non: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 71/QĐ-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của nhà trường

- Đối với các ngành khối Giáo dục nghề nghiệp: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của trường (*Chi tiết trên website: caodangvinhphuc.edu.vn*)

7.3. Hồ sơ xét tuyển, hình thức, địa điểm nộp hồ sơ

a) Hồ sơ xét tuyển

Hồ sơ xét tuyển đựng vào Túi hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (tải Phiếu tại website của nhà trường: www.caodangvinhphuc.edu.vn).

- Bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024 (bản sao có chứng thực). Bằng tốt nghiệp Trung cấp (bản sao có chứng thực) đối với các thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành.

- Học bạ THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực). Bảng điểm tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng (bản sao có chứng thực) đối với các thí sinh đã tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng.

- Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân (bản sao có chứng thực).

- 4 ảnh cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

- 2 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.

- Các giấy tờ ưu tiên (bản sao có chứng thực) (nếu có)

b) Hình thức, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

*** Hình thức:**

- Nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng, Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

- Gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.

- Ngoài hình thức nộp trực tiếp, các ngành thuộc khối Giáo dục nghề nghiệp có thể đăng ký trực tuyến theo 02 cách sau:

+ Đăng ký trực tuyến (online) trên trang thông tin điện tử về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có địa chỉ tại: <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn> hoặc trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc hoặc trên các trang thông tin điện tử của trường;

+ Đăng ký trực tuyến (online) qua Ứng dụng “Chọn nghề” được cài đặt trên các thiết bị di động (điện thoại thông minh, máy tính bảng).

*** Địa điểm nộp hồ sơ:**

- Trụ sở chính: Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng - Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, Phường Trưng Nhị, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Cơ sở tại Vĩnh Yên: Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng - Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc Phường Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nhà trường nhận hồ sơ xét tuyển: buổi sáng 8h - 11h, buổi chiều 14h - 17h vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ ngày lễ.

8. Chính sách ưu tiên

- Đối tượng ưu tiên: Đối tượng ưu tiên theo quy định Điều 7 của QC 25 (đối với ngành giáo dục mầm non) và Phụ lục 01 của QC 71 (đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp).

- Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27 tháng 03 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh).

- Lệ phí xét tuyển hoặc tuyển thẳng: 30.000 đ/hồ sơ
- Lệ phí thi tuyển các môn năng khiếu: 300.000 đ/hồ sơ

10. Học phí dự kiến và lộ trình tăng học phí với sinh viên hệ chính quy

Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

11. Tài chính: Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 37.083.563.000 đ

III. TUYỂN SINH HỆ TRUNG CẤP CHÍNH QUY

1. Thông tin về các ngành tuyển sinh

TT	Ngành đào tạo/mã ngành	Thời gian đào tạo	Chỉ tiêu	Hình thức thi, Xét tuyển Điều kiện đăng ký	Vùng tuyển Thời gian tuyển Hạn nhận hồ sơ
I	Khối ngành văn hóa nghệ thuật, du lịch				
1	Đàn Guitare (5210217)	3 năm	20	+Xét theo ĐTB các môn cả năm lớp 9 và thi năng khiếu chuyên ngành (Điểm năng khiếu hệ số 2) + Đã tốt nghiệp THCS	-Tuyển sinh nhiều đợt trong năm. -Tuyển sinh trong cả nước - Các đợt xét tuyển tại Bảng 2 của Đề án.
2	Đàn Organ (5210224)		20		
3	Hội họa (5210103)		20		
II	Khối ngành sức khỏe				
1	Y sĩ đa khoa	2 năm	30	+Xét theo Điểm trung bình cộng của các môn học lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển A00; B00 và B08 tại Bảng 1 của Đề án. + Đã tốt nghiệp THPT	
2	Y sĩ Y học cổ truyền		30		

2. Quy chế tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế của nhà trường.

Chi tiết trên website: caodangvinhphuc.edu.vn

IV. TUYỂN SINH HỆ SƠ CẤP

1. Thông tin về các ngành tuyển sinh

- **Chỉ tiêu:** 100
- **Các ngành đào tạo:** Đàn (Guitare; Organ); Thanh nhạc; Hội họa; Múa; Thiết kế thời trang; Thiết kế đồ họa; Điêu khắc; Hướng dẫn du lịch; Nghiệp vụ lễ tân.
- **Thời gian đào tạo:** từ 03 đến 06 tháng.
- **Hình thức thi, xét tuyển và điều kiện đăng ký:** Thí sinh đã tốt nghiệp THCS và sức khỏe phù hợp với nghề cần học đều được tuyển sinh học nghề trình độ sơ cấp.
- **Vùng tuyển, thời gian tuyển:** Tuyển sinh trong cả nước, nhiều đợt trong năm.

2. Quy chế tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế của nhà trường.

Chi tiết trên website: caodangvinhphuc.edu.vn

V. LIÊN KẾT ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

- **Ngành tuyển sinh:** Chi tiết trên Website: caodangvinhphuc.edu.vn.
- **Vùng tuyển:** Tuyển sinh trong cả nước.
- **Thời gian xét tuyển và nhận hồ sơ:** Chi tiết tại caodangvinhphuc.edu.vn
- **Thi tuyển:** theo quy định của các trường đại học, cao đẳng
- **Thời gian đào tạo:** theo quy định của các trường đại học, cao đẳng .

VI. CÁC LỚP BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

Đào tạo bồi dưỡng, đào tạo lại khôi sức khỏe và Bồi dưỡng cấp chứng chỉ chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông, Bồi dưỡng nghiệp vụ văn hóa, du lịch: Thực hiện theo nhu cầu thực tế, tổ chức tuyển sinh và đào tạo liên tục trong năm.
